TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2018/DS-ST.
Ngày: 11-10-2018.
V/v"tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ghên.

2. Bà Nguyễn Thị Rạt,

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 573/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2018 về việc "*tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam A.

Trụ sở: 89 X, phường Y, quận Z, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị ngân hàng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hiền Th, chức vụ: Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý. (Văn bản ủy quyền số 29/2017/UQ-CT ngày 22/6/2017).

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Kim T, sinh năm: 1996 (theo văn bản ủy quyền số 7954/2018/UQ-GĐK-TDTD ngày 31/8/2018.

Địa chỉ: Ấp B, xã G, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Thanh C, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 9 năm 2018 và lời khai của bà Nguyễn Kim T đại diện cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam A trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa trình bày như sau:

Ngày 01/11/2013 Ông Trần Thanh C có ký hợp đồng tín dụng số 20131114-500000-0020 với Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam A (thương mại cổ phần được viết tắt như sau TMCP) vay số tiền 42.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng ông C có trách nhiệm thanh toán số tiền 77.218.000 đồng cả gốc và lãi, trả chậm trong vòng 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 2.145.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.143.000 đồng, trả vào ngày 19 hàng tháng, bắt đầu trả từ ngày 19/12/2013. Sau khi ký hợp đồng, ông C đã nhận đủ tiền, sau đó ông C thanh toán cho ngân hàng được 05 kỳ với tổng số tiền là 10.725.000 đồng. Kể từ ngày 14/10/2014 ông C không thanh toán thêm khoản tiền nào cho Ngân hàng. Nay bà T đại diện cho ngân hàng TMCP Việt Nam A yêu cầu ông C thanh toán số tiền còn nợ là 66.493.000 đồng (nợ tiền gốc còn lại 38.928.085 đồng, nợ tiền lãi suất 27.564.915 đồng). Không yêu cầu ông C trả lãi suất nếu chậm thi hành án.

Tại biên bản tự khai ngày 01 tháng 10 năm 2018 ông Trần Thanh C trình bày: Vào năm 2013 ông có hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP Việt Nam A số tiền l2 42.000.000 đồng, ông đã đóng lại cho Ngân hàng được 10.725.000 đồng, số còn lại ông đồng ý trả nợ gốc cho Ngân hàng là 38.928.000 đồng nhưng được trả dần mỗi tháng trả 500.000 đồng cho đến khi xong nợ, còn số nợ lãi suất của Ngân hàng thì ông xin không trả nổi và ông xin đề nghị xét xử cũng như hòa giải và công khai chứng cứ được vắng mặt.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở lời trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Qua yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam A đối với ông Trần Thanh C. Hội đồng xét xử, xét thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết là: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", Ngân hàng TMCP Việt Nam A có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 và Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào đơn đề nghị vắng mặt trong hòa giải cũng như công khai chứng cứ, tiếp cận chứng cứ và xét xử của ông Trần Thanh C và căn cứ vào đơn đề nghị không tiến hành hòa giải của bà T. Nên Hội đồng xét xử cắn cứ vào

khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử Quyết định xét xử về việc vắng mặt của bị đơn.

[2] Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam A với ông Trần Thanh C có ký kết hợp đồng tín dụng số 20131114-500000-0020, thì ông C có vay Ngân hàng với số tiền 42.000.000 đồng, theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ông C có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 77.218.000 đồng gồm cả gốc và lãi. Số tiền này được trả dần theo hàng tháng, cứ mỗi tháng ông C phải trả cho Ngân hàng là 2.145.000 đồng trả trong vòng 36 tháng tháng cuối cùng trả 2.143.000 đồng, thời gian bắt đầu thanh toán cho Ngân hàng vào ngày 19 tháng 12 năm 2013 ngày trả vào ngày 19 hàng tháng. Sau khi nhận tiền vay ông C có thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam A được 05 lần với số tiền 10.725.000 đồng. Kể từ ngày 14/10/2014 cho đến nay ông C chưa thanh toán thêm khoản nào nữa cho Ngân hàng TMCP Việt Nam A.

Tại tòa, bà T đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng yêu cầu ông C trả cho Ngân hàng số tiền trên và trả một lần kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Đối với ông C, ông đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 38.928.085 đồng nhưng ông xin được trả dần hàng tháng 500.000 đồng cho đến xong nợ, còn đối với tiền nợ lãi suất của Ngân hàng thì ông C xin được không trả ông cho rằng không có khả năng trả số tiền lãi suất trên, cách trả dần số tiền gốc mỗi tháng trả cho Ngân hàng 500.000 đồng của ông C được bà T chấp nhận, bởi lẽ với số tiền quá lớn nhưng số tiền trả dần thì quá ít nên thời gian thu hồi nợ của Ngân hàng là quá dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, việc trả dần của ông C Hội đồng xét xử không thể chấp nhận, cần buộc ông C phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam A số tiền nợ gố là 38.928.085 đồng là phù hợp. Còn khoản tiền lãi suất ông C xin không trả bà T không chấp nhận. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng giữa ông C đã ký với Ngân hàng vào ngày 01/11/2013 có phần lãi suất mà các bên đã thỏa thuận nên cần buộc ông C phải thanh toán cho Ngân hàng khoản lãi suất trên là hoàn toàn phù hợp.

[3] Đối với phần lãi quá hạn, sau khi hết thời hạn vay, lãi chậm thi hành án bà Tiền đại diện cho Ngân hàng TMCP Việt Nam A không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ông Trần Thanh C phải chịu án phí đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP Việt Nam A được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 184, Điều 186, Điều 273, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam A về việc "*tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với ông Trần Thanh C.

Buộc ông Trần Thanh C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam A số tiền 66.493.000 đồng (*Sáu mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi ba ngàn đồng chẵn)* trong đó, nợ tiền gốc còn lại 38.928.085 đồng, nợ tiền lãi suất 27.564.915 đồng.

2. Án phí: Ông Trần Thanh C phải chịu 3.324.650 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam A số tiền 1.662.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003282 ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An
-VKSND huyện Đức Hòa;
-Chi cục THADS huyện
-Đương sự
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Văn Tài